

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN THĂNG LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG TRADING DEVELOPMENT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110542118

3. Ngày thành lập: 15/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phù Mã, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0362918951

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao - Dịch vụ diệt các loại côn trùng, diệt khuẩn	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610

6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ động vật nhà nước)	4620
7.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn thú y; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gốc cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ, vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cắt chữ T, ống cao su,... - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động bán buôn đá quý) Chi tiết: - Bán buôn thảo dược dùng trong thú y và thủy sản; - Bán buôn vi sinh vật và thiết bị, dụng cụ phục vụ chăn nuôi - Bán buôn hoá chất phục vụ chăn nuôi - Kinh doanh thuốc thú y - Mua bán thuốc thú y, thú y thủy sản - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hoá; - Bán buôn dụng cụ xử lý môi trường	4669
13.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
14.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
15.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144

16.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
17.	Chăn nuôi gia cầm	0146
18.	Chăn nuôi khác	0149
19.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
20.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
21.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
22.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa Công ty kinh doanh (loại trừ hoạt động đấu giá)	8299
24.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6499
25.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế xây dựng công trình; - Tư vấn quản lý dự án xây; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn lựa chọn nhà thầu	7110
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
28.	Hoạt động thú y	7500
29.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
30.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
31.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
32.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
33.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
34.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

36.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng, gặm nhấm, thuốc diệt cỏ, Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây. Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và các mục đích sử dụng khác)	2021
37.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học; Sản xuất chế phẩm xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Sản xuất thảo dược. Sản xuất thuốc thú y- thú y thủy sản.	2100
38.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
39.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
40.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Loại trừ hoạt động sản xuất vàng)	2420
41.	Đúc sắt, thép	2431
42.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
43.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
45.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
46.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
47.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ; - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
51.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
52.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
53.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
54.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường thủy; - Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; - Hoạt động của các cửa ngầm đường thủy; - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến.	5222
58.	Bốc xếp hàng hóa	5224
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.	5225
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
61.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
64.	Dịch vụ ăn uống khác (Loại trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629
65.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải	3700
71.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
72.	Xây dựng nhà không để ở	4102
73.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
74.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

75.	Xây dựng công trình điện	4221
76.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
77.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
78.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
79.	Xây dựng công trình thủy	4291
80.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
81.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
82.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
83.	Phá dỡ	4311
84.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
85.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
86.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
87.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
88.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
89.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí) Chi tiết: Bán lẻ chế phẩm, thuốc diệt muỗi, diệt côn trùng; Bán lẻ chế phẩm, thuốc diệt chuột; Bán lẻ phẩm bón tổng hợp, phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, phân bón đa vi lượng các loại, phân bón gốc, phân bón.	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 04/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001191049879

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Đoài, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Xuân Đoài, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001191049879

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Đoài, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Xuân Đoài, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội